

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Trọng Nhơn.

Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Thành C, sinh năm 1970 (xin vắng).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh C ..

- Bị đơn: Bà Lê Phượng L, sinh năm 1971 (vắng).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2021 ông Phan Thành C trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà L tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 1990, đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Lý do ly hôn: Trong quá trình chung sống không hợp nhau, xảy ra nhiều mâu thuẫn nên trong hôn nhân không hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Thời gian sống ly thân ông, bà cũng không khắc phục được mâu thuẫn. Nếu duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên ông C yêu cầu ly hôn với bà L.

- Về nuôi con chung, cấp dưỡng: Có 02 người con chung tên Phan Hồng Mơ (nữ), sinh ngày 15/11/1989 và Phan Hùng Dĩ (nam), sinh ngày 08/8/1991 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Phượng L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do nên tự gánh chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông C yêu cầu ly hôn với bà L, thuộc thẩm quyết giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà L có nơi cư trú tại ấp Trảng Lớn, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau và trong vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông C là phù hợp.

Bà L được triệu tập lần 2 nhưng vắng mặt không lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Nương là có cơ sở.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà L chung sống với nhau từ năm 1990 trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng tự nguyện sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C yêu cầu ly hôn bà L. Căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa ông C với bà L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Các con đã trưởng thành nên ông C bà L không yêu cầu giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng, tài sản và công nợ: Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy, về nuôi con chung, cấp dưỡng, tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét là phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền tự định đoạt của đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Thành C và bà Lê Phương L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng, tài sản và công nợ: Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông C phải chịu 300.000 đồng, ông C đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0015295 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, không phải nộp tiếp.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thùy Linh